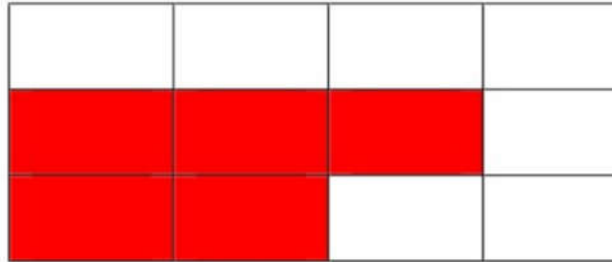


ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II MÔN TOÁN 6
TRƯỜNG PHỔ THÔNG THỰC HÀNH SÀI GÒN (Năm học 2022-2023)

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phần không tô màu trong hình vẽ sau chỉ phân số nào?



- A. $\frac{5}{12}$ B. $\frac{6}{12}$ C. $\frac{7}{12}$ D. $\frac{8}{12}$

Câu 2: Cho biết: $\frac{12}{x} = \frac{-9}{15}$. Vậy x bằng:

- A. $x = 20$ B. $x = -20$ C. $x = 180$ D. $x = -3$

Câu 3: Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $\frac{-3}{4} < 0$ B. $\frac{5}{8} < 0$ C. $\frac{-4}{9} > 0$ D. $\frac{-13}{-10} < 0$

Câu 4: Tìm $a \in \mathbb{N}$ biết $\frac{7}{5} < \frac{a}{5} < \frac{9}{5}$

- A. $a = 7$ B. $a = 8$ C. $a = 9$ D. $a = 10$

Câu 5: Tìm phân số lớn nhất trong các phân số: $\frac{3}{5}; \frac{7}{4}; \frac{3}{2}; \frac{9}{5}$

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{7}{4}$ C. $\frac{3}{2}$ D. $\frac{9}{5}$

Câu 6: Lan làm bài toán xong trong 15 phút, cùng bài toán đó, Ngọc làm xong trong $\frac{3}{4}h$, Tùng làm xong trong $\frac{1}{2}h$ và Nam xong trong 17 phút. Hỏi bạn nào làm xong nhanh nhất?

- A. Lan B. Ngọc C. Tùng D. Nam

Câu 7: Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dần: $\frac{-1}{2}; \frac{5}{2}; \frac{3}{2}$

- A. $\frac{-1}{2} < \frac{5}{2} < \frac{3}{2}$ B. $\frac{-1}{2} > \frac{5}{2} > \frac{3}{2}$ C. $\frac{-1}{2} < \frac{3}{2} < \frac{5}{2}$ D. $\frac{3}{2} < \frac{5}{2} < \frac{-1}{2}$

Câu 8: Số đối của $\frac{-1}{5}$ là:

- A. $\frac{-1}{5}$ B. $\frac{1}{5}$ C. $\frac{-5}{1}$ D. 5

Câu 9: Kết quả của phép tính $\frac{5}{3} : \frac{10}{3} - 1$

- A. $\frac{5}{6}$ B. $\frac{-4}{6}$ C. $\frac{-5}{6}$ D. $\frac{4}{6}$

Câu 10: Kết quả của phép tính $\frac{5}{7} - \frac{4}{9} : \frac{-14}{9}$ là

- A. $\frac{797}{567}$ B. $\frac{13}{567}$ C. $\frac{3}{7}$ D. 1

Câu 11: Kết quả của phép tính $\frac{1}{2} \cdot \frac{4}{3} - \frac{20}{3} \cdot \frac{4}{5}$ là

- A. $\frac{14}{3}$ B. $\frac{18}{3}$ C. $\frac{-14}{3}$ D. $\frac{-18}{3}$

Câu 12: Giá trị của biểu thức $M = \left(\frac{4}{9} - \frac{7}{11}\right) : \frac{4}{9} - \frac{3}{11}$ là

- A. $\frac{1}{44}$ B. $\frac{31}{44}$ C. $\frac{-7}{44}$ D. $\frac{7}{44}$

Câu 13: Giá trị của biểu thức $B = \left(10\frac{2}{9} + 2\frac{3}{5}\right) - 6\frac{2}{9}$ là

- A. $6\frac{3}{5}$ B. $6\frac{4}{5}$ C. $5\frac{3}{5}$ D. $4\frac{4}{5}$

Câu 14: Tính $\frac{1}{4}$ của 20

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 15: Tìm x biết $x - \frac{3}{4} = -\frac{5}{6}$

- A. $-\frac{1}{12}$ B. $-\frac{1}{6}$ C. $-\frac{19}{12}$ D. $-\frac{2}{3}$

Câu 16: Tìm x biết: $\frac{7}{4}$ của x là -28?

- A. $x = -49$ B. $x = -16$ C. $x = 49$ D. $x = 16$

Câu 17: Biết 48 là $\frac{3}{8}$ của a thì số x là

- A. $\frac{1}{128}$ B. $\frac{1}{18}$ C. 18 D. 128

Câu 18: Tìm x biết $x: \frac{1}{4} - 2 = -\frac{15}{4}$

- A. -7 B. 7 C. -23 D. 23

Câu 19: Tìm x biết: $\left(\frac{6}{11} + x\right) \cdot \left(\frac{-3}{4}\right) = -\frac{2}{11}$

- A. $-\frac{33}{10}$ B. $-\frac{10}{33}$ C. $-\frac{2}{33}$ D. $-\frac{26}{33}$

Câu 20: Viết hỗn số $3\frac{2}{5}$ dưới dạng phân số ta được:

- A. $\frac{11}{5}$ B. $\frac{3}{11}$ C. $\frac{3}{11}$ D. $\frac{17}{5}$

Câu 21: Phân số nào sau đây bằng phân số: $\frac{-3}{7}$

- A. $\frac{-6}{-14}$ B. $\frac{15}{35}$ C. $\frac{9}{-21}$ D. $\frac{-7}{3}$

Câu 22: $\frac{2}{5}$ số bi của Lâm là 30 viên. Hỏi Lâm có bao nhiêu viên bi?

- A. 75 B. 12 C. 15 D. 45

Câu 23: Một cái pizza có giá 64 nghìn đồng. $\frac{1}{8}$ cái bánh đó giá bao nhiêu nghìn đồng?

- A. 7 nghìn đồng B. 9 nghìn đồng
C. 8 nghìn đồng D. 10 nghìn đồng

Câu 24: $\frac{2}{3}$ số bánh trong hộp là 80 cái. Hỏi hộp bánh có tất cả bao nhiêu cái bánh?

- A. 7 cái bánh B. 9 cái bánh C. 120 cái bánh D. 10 cái bánh

Câu 25: Phép tính nào dưới đây đúng:

- A. $\frac{3}{5} + \frac{-7}{4} = \frac{-4}{9}$ B. $\frac{2}{3} + \frac{-1}{-7} = \frac{11}{21}$
C. $-2 - \frac{-5}{8} = \frac{3}{8}$ D. $\frac{12}{15} - \frac{3}{4} = \frac{-1}{20}$

Câu 26: Giá trị nào của x thỏa mãn $\left(2\frac{4}{5}x + 32\right) : \frac{2}{3} = 90$ là:

- A. $x=10$ B. $x=-10$ C. $x=1$ D. $x=28$

Câu 27: Phân số $\frac{2}{3}$ là phân số tối giản của phân số nào sau đây?

- A. $\frac{140}{200}$ B. $\frac{130}{210}$ C. $\frac{180}{270}$ D. $\frac{150}{300}$

Câu 28: Kết quả rút gọn phân số $\frac{-12}{27}$ là:

- A. $\frac{2}{7}$ B. $\frac{-4}{9}$ C. $\frac{4}{9}$ D. $\frac{9}{4}$

Câu 29: Kết quả của phép tính $\frac{2}{11} + \left(\frac{-5}{11} - \frac{9}{11}\right)$ là

- A. $\frac{-12}{11}$ B. $\frac{12}{11}$ C. $\frac{13}{11}$ D. $\frac{-13}{11}$

Câu 30: Trong các số sau, số nào là mẫu chung của các phân số $\frac{-4}{7}; \frac{8}{9}; \frac{-10}{21}$ là

- A. 42 B. 21 C. 63 D. 147

Câu 31: Trong các phân số sau, phân số nào là phân số tối giản?

- A. $\frac{-3}{12}$ B. $\frac{4}{6}$ C. $\frac{15}{40}$ D. $\frac{9}{16}$

Câu 32. Giá trị của biểu thức: $\left(\frac{-1}{4} + \frac{5}{8}\right) + \frac{-3}{8}$ là:

- A. $\frac{-1}{4}$ B. $\frac{-1}{8}$ C. 0 D. 1

Câu 33: Người ta đổ 36 lít xăng vào một chiếc cân thì làm đầy được $\frac{3}{4}$ thể tích được của nó. Hỏi cần bao nhiêu lít xăng để đổ đầy chiếc cân này?

- A. 461 B. 471 C. 481 D. 491

Câu 34: Một lớp học có 50 học sinh. Biết rằng, khi tổng kết năm học $\frac{2}{5}$ số học sinh của lớp đó đạt danh hiệu Học sinh tiên tiến. Số học sinh tiên tiến của lớp đó là:

- A. 10 B. 20 C. 12 D. 15

B. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Rút gọn các phân số sau:

- a) $\frac{-27}{90}$ b) $\frac{-24}{-156}$ c) $\frac{91}{-195}$

Bài 2: Quy đồng mẫu các phân số sau:

- a) $\frac{-7}{12}$ và $\frac{2}{9}$ b) $\frac{4}{11}; \frac{3}{-5}; \frac{-1}{-2}$ c) $\frac{-13}{240}$ và $\frac{7}{-80}$ d) $\frac{-11}{30}; \frac{-27}{60}; \frac{35}{200}$

Bài 3: So sánh các phân số sau:

- a) $\frac{-125}{2021}$ và $\frac{-152}{2021}$ b) $\frac{401}{-801}$ và $\frac{104}{-801}$ c) $\frac{11}{-42}$ và $\frac{-4}{15}$ d) $\frac{109}{-36}$ và -3

Bài 4: Sắp xếp theo thứ tự:

- a) Tăng dần với các số $\frac{-3}{4}; \frac{-5}{-6}; \frac{7}{8}; \frac{10}{-9}$ b) Giảm dần với các số $\frac{4}{-7}; 2; \frac{-5}{3}; \frac{-19}{-10}$

Bài 5: Thực hiện các phép tính sau:

a) $\frac{-7}{10} - \frac{2}{5} + \frac{3}{4}$

b) $\frac{-5}{18} + \frac{5}{9} - \frac{11}{36}$

c) $\frac{-5}{12} + \frac{7}{18} - \frac{4}{9}$

d) $\frac{3}{-4} \cdot \left(\frac{2}{3} - \frac{2}{6}\right)$

e) $\left(\frac{-3}{4} + \frac{5}{6}\right) : \left(\frac{2}{9} - \frac{7}{12}\right)$

f) $\frac{-5}{8} \cdot \left(\frac{4}{9} + \frac{-7}{12}\right)$

g) $\frac{1}{2} + \frac{-3}{5} : \frac{3}{7}$

h) $\frac{11}{10} : \left(\frac{-1}{2} - \frac{3}{5}\right)$

i) $\left(\frac{-3}{5} + \frac{9}{10}\right) : \frac{-9}{10}$

j) $\frac{5}{8} - \frac{3}{4} \cdot \left(1\frac{1}{2} - \frac{2}{3}\right)$

k) $\frac{5}{7} - \left(\frac{4}{5} + \frac{2}{3}\right) : 2\frac{1}{5}$

l) $21 - 3\frac{3}{4} : \left(\frac{3}{8} - \frac{1}{6}\right)$

m) $\frac{3}{-5} \cdot 2\frac{1}{12} + \frac{2}{3} : \frac{4}{9}$

n) $\frac{4}{-7} \cdot 2\frac{1}{12} + \frac{2}{3} : \frac{3}{5}$

o) $\frac{-1}{5} + \frac{1}{5} \cdot \left(\frac{3}{4} - 2\frac{1}{3}\right)$

p) $\frac{-2}{3} + \frac{1}{2} \cdot \left(\frac{3}{7} - 1\frac{1}{2}\right)$

q) $\frac{5}{6} + \frac{1}{6} \cdot \left(\frac{3}{4} - 3\frac{1}{2}\right)$

t) $\frac{3}{4} : \left(\frac{2}{3} + 2\frac{1}{3}\right) - \frac{3}{4}$

Bài 6: Tính hợp lý:

a) $\left(\frac{-5}{8} + \frac{5}{6}\right) + \frac{-3}{8}$

b) $\left(\frac{-3}{10} + \frac{-4}{7}\right) + \frac{-7}{10}$

c) $\left(\frac{-1}{4}\right) - \left(\frac{2}{5} + \frac{3}{4}\right)$

d) $-\left(\frac{-1}{5}\right) - \left(\frac{2}{5} - \frac{3}{8}\right)$

e) $\frac{5}{19} + \frac{-7}{15} + \frac{-8}{15} + \frac{33}{19}$

f) $\left(\frac{-4}{5} + \frac{4}{3}\right) + \left(\frac{-5}{4} + \frac{14}{5}\right) - \frac{7}{3}$

g) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{4}{13} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{13} + \frac{-2}{7}$

h) $\frac{-2}{5} \cdot \frac{3}{14} - \frac{-2}{5} \cdot \frac{5}{14} + \frac{-2}{5} \cdot \frac{16}{14}$

i) $\frac{-3}{7} \cdot \frac{2}{-9} + \frac{-2}{3} \cdot \frac{-3}{7} + \frac{2}{18} \cdot \frac{-3}{7}$

j) $\frac{12}{19} \cdot \frac{7}{15} \cdot \frac{-13}{17} \cdot \frac{19}{12} \cdot \frac{17}{13}$

k) $\frac{-7}{11} \cdot \frac{11}{19} + \frac{-7}{11} \cdot \frac{8}{19} + \frac{-4}{11}$

l) $\left(\frac{1999}{2011} - \frac{2011}{1999}\right) - \left(\frac{-12}{1999} - \frac{12}{2011}\right)$

m) $\frac{-2}{3} \cdot \frac{4}{5} + \frac{-2}{3} \cdot \frac{3}{-5} + \frac{-2}{3} \cdot \frac{-1}{-5}$

n) $\frac{-7}{813} + 496 \cdot \left(\frac{-7}{813}\right) + \left(\frac{-7}{813}\right) \cdot 316$

o) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + 1\frac{5}{7}$

p) $\frac{9}{23} \cdot \frac{5}{8} + \frac{9}{23} \cdot \frac{3}{8} - \frac{9}{23}$

q) $\frac{15}{23} \cdot \frac{4}{7} + \frac{15}{23} \cdot \frac{5}{7} - \frac{15}{23} \cdot \frac{2}{7}$

t) $\frac{34}{19} + \frac{-7}{15} + \frac{-8}{15} - \frac{15}{19}$

x) $\frac{-9}{10} \cdot \frac{5}{14} + \frac{1}{10} \cdot \left(\frac{-9}{2}\right) + \frac{1}{7} \cdot \left(\frac{-9}{10}\right)$

y) $\frac{-12}{25} \cdot \frac{5}{14} + \frac{-12}{25} \cdot \frac{9}{14}$

Bài 7: Tìm x, biết:

a) $x + \frac{5}{8} = \frac{-3}{4}$

b) $\frac{3}{4}x + \frac{1}{6} = \frac{1}{5}$

c) $\frac{-11}{12}x + \frac{3}{4} = \frac{-1}{6}$

d) $\frac{-1}{3}x - \frac{4}{5} = \frac{7}{15}$

e) $\frac{4}{5} + \frac{5}{7} : x = \frac{1}{6}$

f) $2x - \frac{5}{3} = \frac{-7}{4}$

g) $\left(x - \frac{3}{5}\right) \cdot \frac{5}{7} = \frac{-3}{14}$

h) $\frac{3}{4} : \left(x - \frac{1}{2}\right) = 8\frac{2}{5}$

i) $3\frac{1}{2} + 2x = 5\frac{1}{3} : 2\frac{2}{3}$

j) $\frac{3}{10} : \left(x - \frac{1}{2}\right) = 2\frac{2}{5}$

k) $\left(2x - \frac{2}{5}\right) : \frac{3}{2} = \frac{-10}{21}$

l) $\frac{3}{5} \cdot \left(x + \frac{-2}{3}\right) = \frac{3}{10}$

m) $-2 \cdot \left(x + \frac{1}{5}\right) = \frac{-8}{5}$

n) $\frac{2}{3} + \frac{3}{4}x = \frac{-5}{6}$

o) $\frac{x}{3} - \frac{10}{21} = \frac{-1}{7}$

p) $\frac{2}{15} + 2x = -\frac{8}{45}$

q) $\left(3x - \frac{7}{6}\right) \cdot \frac{-1}{3} = \frac{-2}{5}$

t) $\frac{9}{15} \cdot \left(x + \frac{-2}{3}\right) = \frac{3}{10}$

Bài 8: Tuấn có 21 viên bi. Tuấn cho Dũng $\frac{3}{7}$ số bi của mình. Hỏi:

- Dũng được Tuấn cho bao nhiêu viên bi
- Tuấn còn lại bao nhiêu viên bi

Bài 9: Đoạn đường Hà Nội – Hải Phòng dài 105km. Một xe lửa xuất phát từ Hà Nội đã đi được $\frac{3}{5}$ quãng đường. Hỏi xe lửa còn cách Hải Phòng bao nhiêu ki lô mét.

Bài 10: Bạn Phát được bố mua cho một gói bánh quy. Do cảm thấy mình không thể ăn hết được số bánh bố mua, bạn Phát đã quyết định cho bạn Chi $\frac{5}{8}$ tổng số bánh mình có.

Tính số bánh có trong gói ban đầu, biết bạn Phát chỉ còn lại 6 cái bánh.

Bài 11: Chiều dài của một mảnh vườn hình chữ nhật là 60m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài.

- Tính diện tích mảnh vườn
- Người ta lấy một phần đất để đào ao. Biết $\frac{5}{6}$ diện tích ao là 360cm^2 . Tính diện tích ao
- Phần còn lại người ta trồng rau. Tính diện tích phần đất trồng rau.

Bài 12: Trong một trường học có số học sinh toàn trường là 1210 em, biết số học sinh nữ bằng $\frac{6}{5}$ học sinh nam. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

Bài 13: Lớp 6A có 50 học sinh trong đó học sinh khá chiếm $\frac{3}{5}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh giỏi bằng $\frac{1}{2}$ số học sinh khá, còn lại là học sinh trung bình và yếu. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh trung bình và yếu?

Bài 14: Một xe máy đã đi 180km trong 3 giờ. Trong giờ thứ nhất xe đi được $\frac{1}{3}$ quãng đường. Trong giờ thứ 2 xe đi được $\frac{2}{5}$ quãng đường còn lại.

Hỏi trong giờ thứ 3 xe đi được bao nhiêu km?

Bài 15: Để làm một chiếc bánh chưng trong dịp Tết Nguyên đán, Vân phải chuẩn bị: gạo nếp, đậu xanh không vỏ, thịt ba chỉ, lá dong và các gia vị khác. Khối lượng đậu xanh bằng $\frac{3}{5}$ khối lượng gạo nếp và gấp $\frac{3}{2}$ khối lượng thịt ba chỉ. Nếu có 150 gam đậu xanh thì cần bao nhiêu gam gạo nếp và bao nhiêu gam thịt ba chỉ?

Bài 16: Trong ngày thứ sáu siêu khuyến mãi hàng năm, $\frac{3}{4}$ số mặt hàng trong một siêu thị được giảm giá. Tính ra có khoảng 6000 mặt hàng được giảm giá trong ngày này. Hãy cho biết siêu thị có bao nhiêu mặt hàng.

Bài 17: Một thửa đất hình chữ nhật có chiều rộng là 9m và bằng $\frac{5}{8}$ chiều dài. Người chủ thửa đất dự định dành $\frac{3}{5}$ diện tích thửa đất để xây dựng một ngôi nhà. Phần đất không xây dựng sẽ dành cho lối đi, sân chơi và trồng hoa. Hãy tính diện tích đất trồng hoa, sân chơi và lối đi.

II. PHẦN HÌNH HỌC:

Câu 1: Hình chữ nhật có bao nhiêu trục đối xứng?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 2: Hình nào dưới đây có vô số trục đối xứng?

- A. Hình lục giác đều B. Hình vuông
C. Hình chữ nhật D. Hình tròn

Câu 3: Cái nào dưới đây có vô số trục đối xứng?

- A. A,H,E B. A,H C. A,B,H,E D. B,E

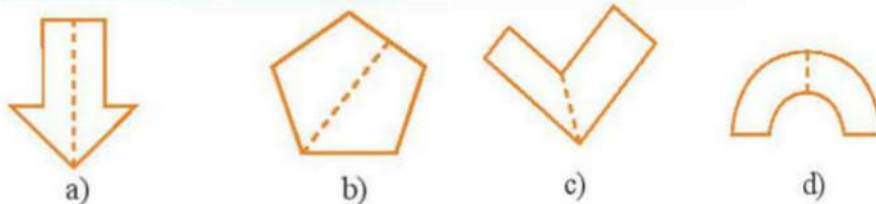
Câu 4: Hình vuông có bao nhiêu trục đối xứng?

- A. 0 B. 1 C. 2 D. 4

Câu 5: Hình tam giác đều có mấy trục đối xứng?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 6: Hình nào sau đây có đường nét đứt không là trục đối xứng?



- A. Hình a B. Hình b C. Hình c D. Hình d

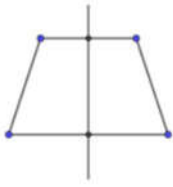
Câu 7: Trong các số sau, số nào có tâm đối xứng?

- A. 2 B. 4 C. 6 D. 8

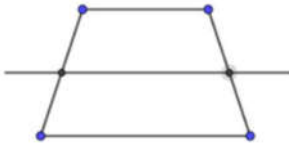
Câu 8: Trong các chữ cái sau, chữ cái nào có tâm đối xứng: B,S,G,J

- A. Chữ B B. Chữ S C. Chữ G D. Chữ J

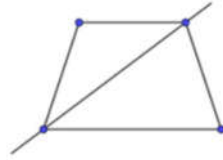
Câu 9: Hình nào dưới đây chỉ ra đúng trục đối xứng của hình thang cân?



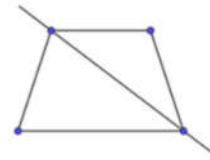
A



B



C



D

Câu 10: Trong các hình sau, hình nào **không** có trục đối xứng?

A. Hình thang cân

B. Hình vuông

C. Hình bình hành

D. Hình chữ nhật

Câu 11: Chữ cái nào sau đây vừa có tâm đối xứng vừa có trục đối xứng?



A. Chữ A và G

B. Chữ S và N

C. Chữ S, I và N

D. Chữ I và O

Câu 12: Phát biểu nào dưới đây là **đúng**?

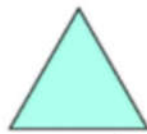
A. Mỗi đường chéo là một trục đối xứng của hình chữ nhật

B. Mỗi đường thẳng đi qua tâm một đường tròn là trục đối xứng của hình tròn

C. Mỗi đường thẳng đi qua trung điểm của hai cạnh đối diện là trục đối xứng của hình thoi

D. Mỗi đường chéo là một trục đối xứng của hình bình hành

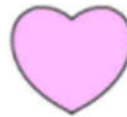
Câu 13: Trong các hình dưới đây, những hình có trục đối xứng là?



Tam giác đều



Cánh quạt



Trái tim



Cánh điều

A. Tam giác đều, trái tim, cánh điều

B. Cánh quạt, trái tim, cánh điều

C. Trái tim, cánh điều

D. Cả bốn hình

Câu 14: Chữ cái nào dưới đây có hai trục đối xứng?

ABHM

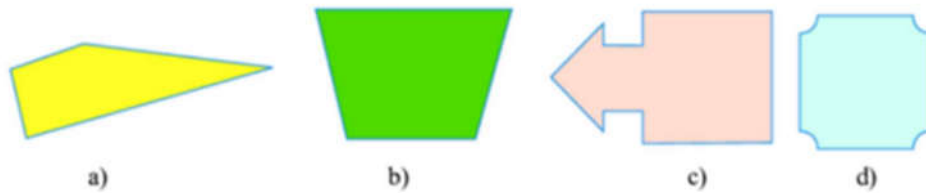
- A. Chữ A B. Chữ B C. Chữ H D. Chữ M

Câu 15: Hình dưới đây có bao nhiêu trục đối xứng?



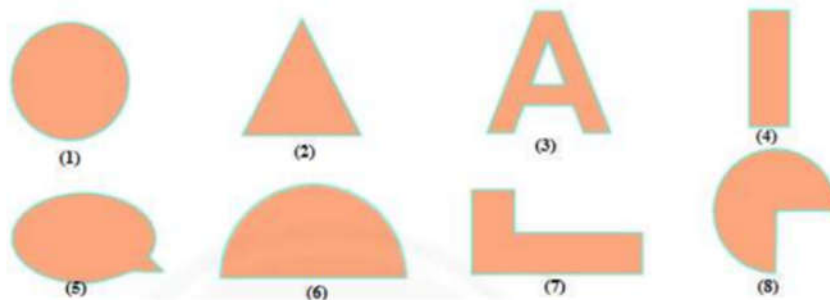
- A. Một trục đối xứng
B. Hai trục đối xứng
C. Bốn trục đối xứng
D. Sáu trục đối xứng

Câu 16: Trong các hình dưới đây, có bao nhiêu hình có trục đối xứng?



- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 17: Trong những hình dưới đây có bao nhiêu hình có trục đối xứng?



- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 18: Hình nào sau đây **không** có tâm đối xứng?

- A. Hình vuông B. Hình chữ nhật
C. Hình bình hành D. Hình tam giác đều

Câu 19: Hình thang cân có bao nhiêu tâm đối xứng?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 20: Cho hình sau, chọn câu **đúng nhất**



- A. Hình a) và c) có trục đối xứng B. Hình c) có trục đối xứng
C. Hình b) và c) có trục đối xứng D. Cả 3 hình có trục đối xứng

Câu 21: Trong các chữ cái sau, những chữ cái nào có tâm đối xứng? Chỉ ra tâm đối xứng của chữ cái đó.



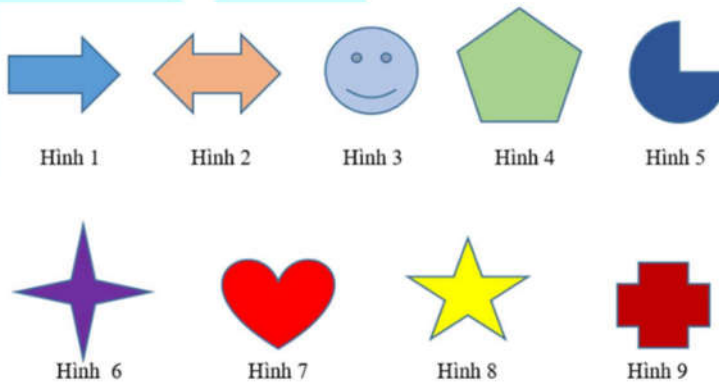
- A. Chữ H, I, N B. Chữ T, E, C
C. Chữ E, H, I D. Tất cả các chữ cái

Câu 22: Trong các chữ cái sau đây, có bao nhiêu chữ cái có tâm đối xứng?



- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 23: Hình nào trong các hình dưới đây có tâm đối xứng?



- A. Hình 2, hình 6, hình 9 B. Hình 3, hình 4, hình 6, hình 7
C. Hình 8, hình 9 D. Hình 2, hình 6, hình 8, hình 9

Câu 24: Tâm đối xứng của hình tròn là

- A. Tâm của đường tròn
- B. Một điểm bất kì nằm bên trong đường tròn
- C. Một điểm bất kì nằm trên đường tròn
- D. Một điểm bất kì nằm bên ngoài đường tròn

Câu 25: Trong giờ thảo luận nhóm, ba bạn Hùng, bạn Kiên, Minh phát biểu như sau:

- Bạn Hùng nói: “Hình thoi chỉ có tâm đối xứng và không có trục đối xứng”
- Bạn Kiên nói: “Hình chữ nhật không có tâm đối xứng và chỉ có trục đối xứng”
- Bạn Minh phát biểu: “Hình vuông có cả tâm đối xứng và trục đối xứng”

Theo em bạn nào phát biểu đúng?

- A. Bạn Minh
- B. Bạn Kiên
- C. Bạn Hùng
- D. Cả ba bạn đều đúng

Câu 26: Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

- A. Hình thoi có tâm đối xứng nhưng không có trục đối xứng
- B. Hình thang cân có trục đối xứng nhưng không có tâm đối xứng
- C. Hình bình hành vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng
- D. Hình chữ nhật có trục đối xứng nhưng không có tâm đối xứng

Câu 27: Khẳng định nào dưới đây **sai** về tam giác đều?

- A. Tam giác đều có ba trục đối xứng
- B. Tam giác đều có ba cạnh bằng nhau
- C. Tam giác đều không có tâm đối xứng
- D. Tam giác đều có tâm đối xứng là giao điểm của ba trục đối xứng

Câu 28: Chọn câu **sai**

- A. Chữ H là hình vừa có trục đối xứng, vừa có tâm đối xứng
- B. Chữ N là hình có tâm đối xứng và không có trục đối xứng
- C. Chữ O là hình vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng
- D. Chữ I là hình có trục đối xứng và không có tâm đối xứng

Câu 29: Tâm đối xứng của hình chữ nhật là

- A. Giao điểm của hai đường chéo
- B. Giao điểm của hai cạnh vuông góc nhau
- C. Hình chữ nhật không có tâm đối xứng
- D. Tất cả các phương án trên đều sai

Câu 30: Hình nào dưới đây vừa có tâm đối xứng vừa có trục đối xứng?

- A. Hình thang cân
- B. Tam giác đều
- C. Hình bình hành
- D. Hình thoi

Câu 31: Hình nào sau đây có tâm đối xứng?

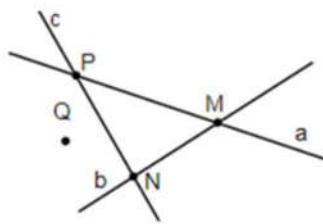
96 EF PQ

- A. 96 B. EF C. PQ D. Không có hình nào

Câu 32: Ba điểm H, I, K thẳng hàng trong các câu sau, câu nào sai?

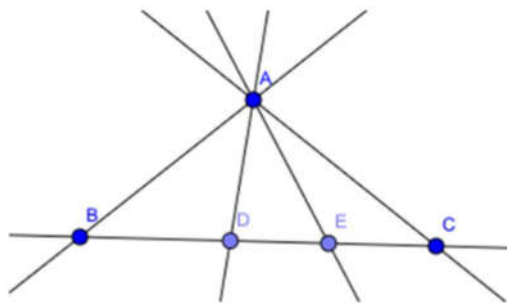
- A. Đường thẳng HK đi qua I B. Điểm I nằm giữa hai điểm H và K
 C. Đường thẳng IK đi qua H C. Ba điểm H, I, K cùng thuộc một đường thẳng

Câu 33: Cho hình vẽ sau: Chọn phát biểu sai:



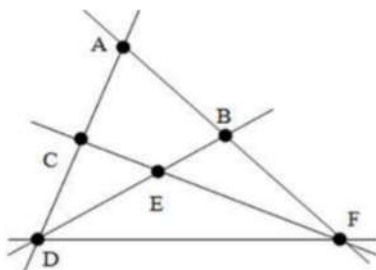
- A. Điểm Q không thuộc các đường thẳng b,c và a
 B. Điểm N nằm trên các đường thẳng b và c
 C. Điểm P không nằm trên các đường thẳng c và a
 D. Điểm M nằm trên các đường thẳng a và b

Câu 34: Có bao nhiêu đường thẳng trong hình vẽ sau



- A. 2
 B. 3
 C. 4
 D. 5

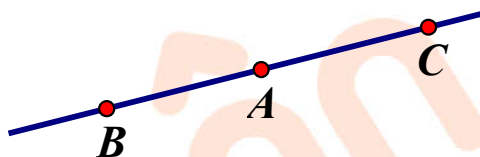
Câu 35: Cho hình vẽ sau. Chọn phát biểu sai



- A. Ba điểm D, E, B thẳng hàng
- B. Ba điểm C, E, A không thẳng hàng
- C. Ba điểm A, B, F thẳng hàng
- D. Ba điểm D, E, F thẳng hàng

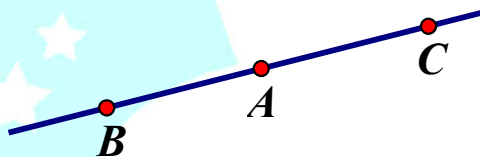
Câu 36: Cho hình vẽ. Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

Điểm A nằm hai điểm B và C



- A. Cùng phía
- B. Khác phía
- C. Nằm giữa
- D. Cả A, B, C đều sai

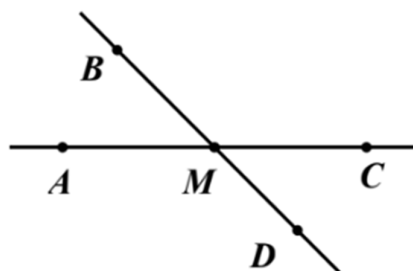
Câu 37: Cho hình vẽ. Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:



Điểm A và B nằm đối với điểm C

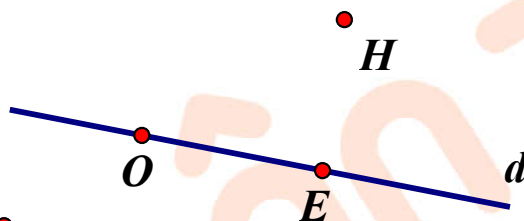
- A. Cùng phía
- B. Khác phía
- C. Nằm giữa
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 38: Trong hình vẽ, điểm M nằm giữa những điểm nào? Chọn khẳng định đúng



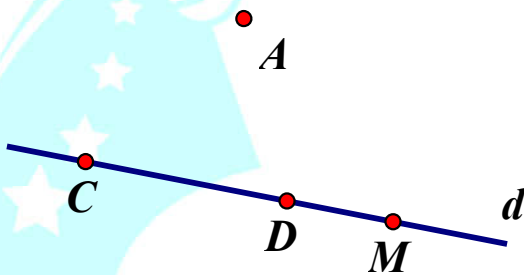
- A. C và D
- B. A và B
- C. A và A
- D. A và C

Câu 39: Trong hình vẽ dưới đây, đường thẳng d đi qua điểm nào?



- A. K, O
- B. K, H
- A. O, E
- B. E, H

Câu 40: Trong hình vẽ dưới đây, kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng?

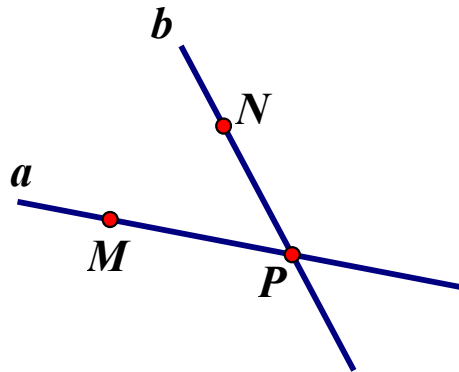


- A. A, M, D
- B. C, M, A
- C. A, C, D
- D. C, D, M

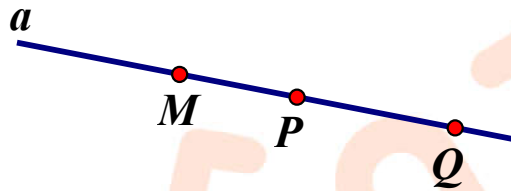
Câu 41: Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B

- A. Có hai đường thẳng
- B. Có vô số đường thẳng
- C. Không có đường thẳng nào
- D. Có một đường thẳng

Câu 42: Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định dưới đây

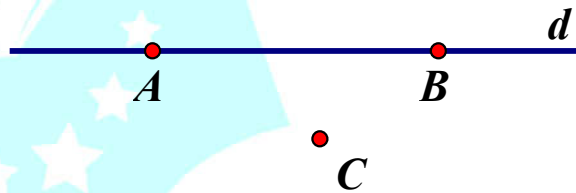


- A. $M \in d$ B. $N \in a$ C. $P \in a$ D. $P \notin b$
- Câu 43:** Chọn khẳng định sai trong các khẳng định dưới đây?



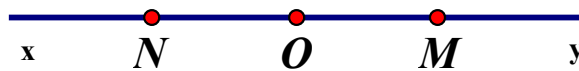
- A. Điểm M nằm giữa hai điểm P và Q
 B. Hai điểm M, Q nằm khác phía đối với điểm P
 C. Hai điểm P, Q nằm cùng phía đối với điểm M
 D. Điểm P nằm giữa hai điểm M và Q

Câu 44: Cho hình vẽ sau. Đáp án nào sai:



- A. $A \in d$ B. $C \notin d$ C. $A \notin d$ D. $B \in d$

Câu 45: Cho hình vẽ sau, trong ba điểm M, N, Q thì điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?



- A. Điểm N nằm giữa điểm M và O
 B. Điểm O nằm giữa điểm M và N
 C. Điểm M nằm giữa điểm O và N
 D. Không có điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại.